TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOẰNG HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2023/DS-ST
Ngày: 26/9/2023
V/v: Tranh chấp về phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bỉnh Quyền

Ông Nguyễn Hoành Đại

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại Toà án nhân dân huyện Hoằng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 74/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2023 về việc "Tranh chấp về phân chia di sản thừa kế" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2023/QĐXXST-DS ngày 15/9/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Th, sinh năm 1945 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Lê Nguyên B, sinh năm 1973 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chị Hoàng Thị Y, sinh năm 1980 (Có mặt)
- Cháu Lê Nguyên Kh, sinh ngày 09/11/2008
- Cháu Lê Nguyên Đ, sinh ngày 10/10/2010

Cùng địa chỉ: Thôn Ph, xã M, huyện S, TP. Hà Nội

Đại diện heo pháp luật của cháu Kh và cháu Đ: Chị Hoàng Thị Y, sinh năm 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Ph, xã M, huyện S, TP. Hà Nội

- Bà Lê Thị Th1, sinh năm 1965 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người làm chứng:

- Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1976 (vắng mặt)
- Ông Lê Sỹ T, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Đều có địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/6/2023, lời khai và trình bày của nguyên đơn trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bà Lê Thị Th trình bày:

Bà Lê Thị Th và chồng là ông Lê Nguyên Nh (chết ngày 10/01/2017) có 03 người con chung gồm: Bà Lê Thị Th1, anh Lê Nguyên B và anh Lê Nguyên T, ông bà không có con riêng.

Anh Lê Nguyên T (chết ngày 31/01/2019) có vợ là chị Hoàng Thị Y, có 02 con là cháu Lê Nguyên Kh (sinh ngày 09/11/2008) và cháu Lê Nguyên Đ (10/10/2010).

Ông Nh, bà Th có tài sản chung gồm 02 ngôi nhà cấp 4 (gồm 05 gian nhà trên và 03 gian bếp) gắn liền với quyền sử dụng thửa 206, tờ bản đồ số 05, Bản đồ địa chính xã M cũ lập năm 1996 (nay là xã Đ), diện tích 218,0m^2, đã được UBND huyện Hoằng Hóa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 535813 ngày 13/12/2006.

Ngày 11/9/2014, bà Th và ông Nh đã lập di chúc phân chia tài sản cho các con. Trên cơ sở có sự thống nhất của cha mẹ và các con đã xác định tài sản gồm nhà đất và các tài sản khác của ông bà trị giá 600.000.000đ, chia đều cho 2 con trai là anh Lê Nguyên B và anh Lê Nguyên T, mỗi người hưởng 300.000.000đ. Do anh Lê Nguyên B có nguyện vọng mua nhà đất ra mặt đường huyện để làm ăn nên ông bà đồng ý cho anh B 300.000.000đ và anh Lê Nguyên T chuyển số tiền 300.000.000đ cho ông bà để cho anh Lê Nguyên B mua nhà. Do đó toàn bộ diện tích đất ở kèm theo tài sản cố định của ông bà lúc bấy giờ sau này anh Lê Nguyên T là chủ sở hữu và sử dụng hoàn toàn, không có sự tranh chấp và yêu cầu khác. Anh Lê Nguyên T đã chuyển đủ 300.000.000đ cho ông Nh – bà Th và ông bà cũng đã giao tiền cho vợ chồng anh Lê Nguyên B đầy đủ để mua nhà của chị Trịnh Thị H cùng thôn.

Từ khi ông Lê Nguyên Nh chết, bà Lê Thị Th là người trực tiếp quản lý nhà và đất nói trên. Năm 2018, do nhà cũ bị xuống cấp, hư hỏng nên vợ chồng anh Lê Nguyên T đã tháo dỡ và xây dựng ngôi nhà kiên cố 3 tầng trên thửa đất. Từ đó đến nay, bà Th là người sử dụng nhà và quản lý nhà đất cho vợ chồng anh T.

Nay bà Th có nguyện vọng muốn thực hiện di nguyện của ông Nh, làm lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để giao lại cho vợ con anh T, nhưng anh B không đồng ý nên bà chưa làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất được. Vì vậy, bà Th yêu cầu Tòa án căn cứ di chúc ngày 11/9/2014, chia di sản thừa kế của ông Nh để lại cho chị Hoàng Thị Y và hai cháu Lê Nguyên Kh và Lê Nguyên Đ. Đối với phần tài sản của bà trong khối tài sản chung của vợ chồng và phần di sản bà được thừa kế từ ông Nh, bà Th tặng cho lại cho chị Hoàng Thị Y và các cháu Lê Nguyên Kh và Lê Nguyên Đ.

Anh Lê Nguyên T đã chết, toàn bộ di sản do anh T để lại trên thửa đất số thửa 206, tờ bản đồ số 05, Bản đồ địa chính xã M lập năm 1996 bà Th từ chối hưởng thừa kế và giao lại hết cho mẹ con chị Y.

Bà Th đề nghị Tòa án không trích công sức quản lý, giữ gìn di sản của ông Nh cho bà.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn – anh Lê Nguyên B trình bày:

Anh Lê Nguyên B thống nhất với lời khai của bà Lê Thị Th về quan hệ hôn nhân, di sản thừa kế và người thừa kế của ông Lê Nguyên Nh.

Ngày 11/9/2014, khi bố mẹ anh B hoàn toàn tỉnh táo, bố mẹ có gọi 3 chị em anh đến và lập di chúc phân chia tài sản cho các con. Chị gái Lê Thị Th1 đã có gia đình và không có yêu cầu gì. Lúc này anh Lê Nguyên B có nguyện vọng mua nhà đất ra mặt đường huyện để làm ăn nên bố mẹ thống nhất xác định tài sản của bố mẹ trị giá 600.000.000đ *(Sáu trăm triệu đồng)* và chia cho hai con trai mỗi con trị giá là 300.000.000đ. Em trai Lê Nguyên T chuyển cho anh B 300.000.000đ để anh mua nhà, toàn bộ tài sản của bố mẹ là nhà và đất tại thửa đất số 206, tờ bản đồ số 05, Bản đồ địa chính xã M cũ lập năm 1996 (nay là xã Đ) sau này anh Lê Nguyên T là chủ sở hữu và sử dụng hoàn toàn, không có sự tranh chấp và yêu cầu khác.

Tuy nhiên, anh không được nhận từ anh T số tiền 300.000.000đ. Anh B có thấy anh T giao cho ông Lê Nguyên Nh số tiền 300.000.000đ và số tiền này đã được giao lại cho chị Lê Thị L (chết ngày 13/7/2023 âm lịch) là vợ anh để trả tiền mua nhà của chị Trịnh Thị H . Sau đó ông Nh cùng chị L và anh T đến nhà chị Trịnh Thị H (hiện gia đình anh B đang ở), mục đích để thăm nhà, giao tiền mua nhà cho chị H. Khi mua nhà, ông Nh và chị L là người giao dịch mua bán trực tiếp với chị H và là người trực tiếp trả tiền nhà cho chị H, anh B không tham gia. Ngay ngày hôm đấy đã giao tiền đầy đủ cho chị H và vài ngày sau đó gia đình anh B chuyển vào ở. Ông Nh và bà Th vẫn ở tại thửa đất của ông bà cho đến khi ông Nh chết, bà Th ở lại trên đất cho đến nay.

Năm 2018, vợ chồng anh Lê Nguyên T xây dựng nhà kiên cố 3 tầng trên thửa đất của ông Nh, bà Th (thửa 206, tờ bản đồ số 05). Thực tế vợ chồng anh T không ở trên thửa đất này, chỉ thi thoảng đi về thăm và ở chơi với ông bà.

Nay bà Th yêu cầu Tòa án căn cứ di chúc ngày 11/9/2014 để chia di sản thừa kế của ông Nh để lại cho chị Hoàng Thị Y và hai cháu Lê Nguyên Kh và Lê Nguyên Đ (vợ và con của anh T). Quan điểm của anh B là anh không có tranh chấp gì về di sản thừa kế của bố anh để lại. Thời điểm ông Nh viết di chúc, anh hoàn toàn đồng ý. Nhưng nay em trai anh là anh T không còn, bà Th còn sống nên anh đề nghị khi nào mẹ anh trăm tuổi thì ai là người ở trên đất và thờ cúng bố mẹ anh thì anh sẽ giao hết cho người đó. Nếu bà Th cứ cương quyết yêu cầu chia di sản thừa kế do ông Nh để lại, anh B yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh B yêu cầu Tòa án chia cho anh 25,0m^2 đất di sản thừa kế của ông Nh.

Anh B cũng cho rằng bà Th kiện anh chia di sản thừa kế của ông Nh không có liên quan gì đến chị Y vì chị Y chỉ là con dâu nên đề nghị Tòa án không cho chị Y tham gia tố tụng trong vụ án này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – chị Hoàng Thị Y trình bày:

Chị Y là vợ của anh Lê Nguyên T (chết ngày 31/01/2019), là con dâu của ông Lê Nguyên Nh (chết ngày 10/01/2017) và bà Lê Thị Th.

Ngày 11/9/2014, khi ông Nh và bà Th gọi các con gồm Lê Thị Th1, Lê Nguyên B và Lê Nguyên T đến và lập di chúc phân chia tài sản cho các con thì chị không được tham gia, nhưng chị có nghe anh Lê Nguyên T – chồng chị nói lại và chị là người giữ và giao

nộp di chúc cho Tòa án. Lúc này anh trai của chồng chị là Lê Nguyên B có nguyện vọng mua nhà đất ra mặt đường huyện để làm ăn nên ông Nh và bà Th thống nhất xác định tài sản của bố mẹ trị giá 600.000.000đ, chia cho hai con trai mỗi con trị giá là 300.000.000đ, anh Lê Nguyên T chuyển cho vợ chồng anh B 300.000.000đ để lấy tiền mua nhà đất, toàn bộ tài sản của ông Nh và bà Th là nhà và đất tại thửa đất số 206, tờ bản đồ số 05, Bản đồ địa chính xã M cũ lập năm 1996 (nay là xã Đ) sau này anh Lê Nguyên T là chủ sở hữu và sử dụng hoàn toàn. Anh T đã giao lại cho vợ chồng anh B đầy đủ 300.000.000đ để vợ chồng anh B mua ngôi nhà hiện gia đình anh B đang ở. Đây là điều kiện chồng chị phải thực hiện theo di chúc của ông Nh, chị hoàn toàn tôn trọng và không có yêu cầu gì thêm đối với số tiền này.

Năm 2018, do nhà cũ xuống cấp, vợ chồng chị Y đã xây dựng nhà kiên cố trên thửa đất này cho bà Th ở, anh chị thường xuyên đi về thăm bà Th.

Anh T bị tai nạn, qua đời đột ngột, không để lại di chúc. Bà Th yêu cầu Tòa án căn cứ di chúc ngày 11/9/2014 để chia di sản thừa kế của ông Nh để lại cho chị và hai con trai chị, chị Y hoàn toàn thống nhất. Đối với phần tài sản của bà Th trong khối tài sản chung của bố mẹ chồng chị và phần di sản bà Th được thừa kế từ ông Nh, bà Th tặng cho lại cho mẹ con chị, chị cũng thống nhất. Đối với di sản thừa kế do anh T để lại trên thửa đất số 206, tờ bản đồ số 05, Bản đồ địa chính xã M cũ lập năm 1996, bà Th từ chối nhận thừa kế, giao lại cho mẹ con chị, chị cũng thống nhất và không có yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Lê Thị Th1 trình bày:

Bà Lê Thị Th1 thống nhất với nguyên đơn, bị đơn về quan hệ hôn nhân, di sản thừa kế và người thừa kế của ông Lê Nguyên Nh.

Ngày 11/9/2014, khi bố mẹ bà hoàn toàn tỉnh táo đã gọi 3 chị em bà đến và lập di chúc phân chia tài sản cho các con. Bà đã có gia đình và không có yêu cầu gì. Anh Lê Nguyên B có nguyện vọng mua nhà đất ra mặt đường huyện để làm ăn nên bố mẹ thống nhất xác định tài sản của bố mẹ trị giá 600.000.000đ và chia cho hai con trai mỗi con trị giá là 300.000.000đ. Anh Lê Nguyên T chuyển cho vợ chồng anh Lê Nguyên B 300.000.000đ để vợ chồng Bình mua ngôi nhà hiện tại gia đình anh B đang ở, toàn bộ tài sản của bố mẹ bà là nhà và đất tại thửa đất số 206, tờ bản đồ số 05, Bản đồ địa chính xã M cũ lập năm 1996 (nay là xã Đ) sau này anh Lê Nguyên T là chủ sở hữu và sử dụng hoàn toàn, không có sự tranh chấp và yêu cầu khác. Bà Th1 biết anh T đã giao cho ông Lê Nguyên Nh 300.000.000đ để ông Nh giao cho vợ chồng anh B trả tiền mua nhà ngoài đường huyện.

Năm 2018, nhà cũ bị hư hỏng, xuống cấp, vợ chồng anh Lê Nguyên T xây dựng nhà kiên cố 3 tầng trên thửa đất số 206, tờ bản đồ số 05, Bản đồ địa chính xã M cũ lập năm 1996 (nay là xã Đ).

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Th, bà Th1 hoàn toàn thống nhất và không có ý kiến gì.

Người làm chứng - Chị Trịnh Thị H trình bày:

Cuối năm 2014, chị H bán nhà đất cho vợ chồng anh Lê Nguyên B, chị Lê Thị L với giá 390.000.000đ, chính là ngôi nhà hiện gia đình anh B đang sinh sống và thờ cúng chị

L. Ông Lê Nguyên Nh là người trực tiếp giao tiền cho chị H, giao một lần duy nhất. Khi giao tiền có anh Lê Nguyên T (em trai anh B), chị L và ông Nh. Ông Nh giao tiền xong thì chị H giao luôn chìa khóa cho chị L, vài ngày sau vợ chồng anh B chuyển vào ở cho đến nay.

Kết quả xem xét, thẩm định ngày 14/9/2023 thể hiện:

Thửa đất số 206, tờ bản đồ số 05, Bản đồ địa chính năm 1996 xã M cũ (nay là xã Đ), diện tích là 215,6m^2, có tứ cận:

Phía Đông giáp hộ ông Lê Sỹ T, dài 10,02m;

Phía Tây giáp đường làng, dài 10,04m;

Phía Nam giáp ngõ xóm, dài 9,41m + 8,77m + 2,87m;

Phía Bắc giáp hộ ông Lê Nguyên Hòa, dài 10,38m + 8,08m + 2,55m.

Tài sản trên đất gồm ngôi nhà 03 tầng, bê tông cốt thép và các công trình phụ trợ khác, do vợ chồng anh Lê Nguyên T xây dựng năm 2018.

Đại diện hộ giáp ranh – người làm chứng trong vụ án – ông Lê Sỹ T trình bày:

Ông là chủ sử dụng thửa đất số 203, tờ bản đồ số 05, Bản đồ địa chính năm 1996 xã M cũ (nay là xã Đ), là hộ giáp ranh phía Đông của thửa đất gia đình nhà bà Th (thửa 206, tờ bản đồ số 05). Ngày 19/12/2002, gia đình ông đã được UBND xã Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 360599 đối với thửa đất của gia đình ông. Hiện tại hai bên gia đình đã xây dựng công trình kiên cố, và hai gia đình đã xác định ranh giới cụ thể với nhau và hiện trạng công trình xây dựng nhà bà Th được xây dựng trên phần đất của gia đình bà Th, không xây lấn sang đất nhà ông. Gia đình ông cũng không có tranh chấp gì về ranh giới đất với nhà bà Th. Ông công nhận kết quả đo đạc thẩm định tại chỗ đối với đất và tài sản trên đất nhà bà Th ngày 14/9/2023.

Kết quả xác minh tại UBND xã Đ ngày 14/9/2023 với sự tham gia của đại diện các hộ giáp ranh:

- Về sự biến động diện tích của thửa đất số 206, tờ bản đồ số 05, bản đồ địa chính năm 1996 xã M cũ (nay là xã Đ), gia đình bà Lê Thị Th không lấn chiếm, tranh chấp gì về ranh giới với các hộ giáp ranh.

Theo UBND xã Đ: Thửa đất số 206, tờ bản đồ số 05, bản đồ địa chính năm 1996 xã M cũ, tương ứng thửa đất số 235, tờ bản đồ số 02, Bản đồ địa chính 299TTg xã M cũ. Diện tích đất của gia đình bà Th sử dụng ổn định, phù hợp với quy hoạch của địa phương và Nhà nước, không có tranh chấp lấn chiếm với các hộ giáp ranh. Về diện tích: Có biến động giảm so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp, kích thước thửa đất theo hiện trạng đo đạc, thẩm định có thay đổi so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hồ sơ địa chính các thời kỳ đo đạc bản đồ là do sai số trong đo đạc. Kết quả đo đạc ngày 14/9/2023 được thực hiện bằng phương pháp đo tọa độ khi các gia đình đã xây dựng công trình kiên cố, ổn định nên cho kết quả chính xác nhất về diện tích và kích thước, hình thể của thửa đất số 206, tờ bản đồ số 05, bản đồ địa chính năm 1996 xã M cũ.

Kết quả định giá tài sản ngày 14/9/2023, Hội đồng định giá xác định: Tại thời điểm định giá, ở lân cận vị trí định giá không có giao dịch về chuyển quyền sử dụng đất nên Hội đồng định giá thống nhất áp dụng giá đất theo Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND

ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa và Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 11/4/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa, xác định giá đất tại vị trí định giá là 750.000đ/m^2 x 215,6m^2 = 177.870.000đ.

Toàn bộ tài sản trên đất do vợ chồng anh Lê Nguyên T xây dựng trị giá 1.503.302.300đ.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

- Công nhận di chúc của ông Lê Nguyên Nh và bà Lê Thị Th lập ngày 11/9/2014 là hợp pháp, công nhận một phần hiệu lực của di chúc đối với phần định đoạt của ông Lê Nguyên Nh. Xác định kỷ phần thừa kế không phụ thuộc vào di chúc cho bà Lê Thị Th.
- Xác định tài sản của bà Th trong khối tài sản chung vợ chồng với ông Nh, trị giá 177.870.000đ/2 = 88.935.000đ.
- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Th về việc từ chối thừa kế đối với phần di sản anh T được thừa kế từ ông Nh.
- Ghi nhận sự tự nguyện nguyện của bà Th tặng cho con dâu là Hoàng Thị Y và các cháu Lê Nguyên Kh, Lê Nguyên Đ toàn bộ phần tài sản của bà và phần bà được thừa kế từ ông Lê Nguyên Nh.
- Tạm giao cho chị Hoàng Thị Y quản lý toàn bộ tài sản của các cháu Lê Nguyên Kh và Lê Nguyên Đ được thừa kế và được tặng cho cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.
- Không chấp nhận yêu cầu của anh Lê Nguyên B đòi chia di sản chung của ông Lê Nguyên Nh.

Về án phí: Đề nghị buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Th làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của ông Lê Nguyên Nh và xác định phần di sản của bà trong khối tài sản chung để tặng cho con dâu và các cháu. Đây là quan hệ ‘Tranh chấp về phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Lê Nguyên B có địa chỉ tại xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thời hiệu khởi kiện chia thừa kế: Ông Lê Nguyên Nh chết ngày 10/01/2017, ngày 26/6/2023 bà Lê Thị Th nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nh để lại, căn cứ Điều 623 của Bộ luật dân sự 2015 thì yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nh còn trong thời hiệu khởi kiện.

[1.3]. Về việc xác định tư cách tố tụng của người tham gia tố tụng:

Bà Lê Thị Th khởi kiện anh Lê Nguyên B về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của chồng bà là ông Lê Nguyên Nh để lại nên bà Th là nguyên đơn, anh B là bị đơn. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Nh gồm có: Bà Th, anh B, bà Lê Thị Th1 và anh Lê Nguyên T; do anh T đã chết nên vợ và con anh T là chị Hoàng Thị Y, cháu Lê Nguyên Kh và Lê Nguyên Đ được hưởng phần di sản anh T được thừa kế từ ông Nh. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định bà Th1, chị Y, cháu Kh và cháu Đ là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Do các cháu Kh và cháu Đ chưa đến 18 tuổi (dưới 15 tuổi) nên chị Hoàng Thị Y là người đại diện theo pháp luật của các cháu. Chị Trịnh Thị H là người nhận tiền bán nhà cho vợ chồng anh B từ ông Nh; Ông Lê Sỹ T là người có đất giáp ranh gia đình nhà bà Th, làm chứng việc gia đình bà Th xây nhà không lấn chiếm sang đất gia đình ông nên chị H, ông Tân tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người làm chứng. Chị Lê Thị L – vợ anh Lê Nguyên B, theo lời nại của anh B và chị H, chị L là người cùng ông Nh đến nhà chị H trả tiền mua nhà. Xét thấy việc anh T giao tiền cho ông Nh để mua nhà cho vợ chồng anh B đã rõ, chị L đã chết nên Tòa án không đưa chị L vào tham gia tố tụng.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Những người được hưởng di sản thừa kế của ông Lê Nguyên Nh:

Hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Nguyên Nh là vợ và con ông Nh, gồm: Bà Lê Thị Th, bà Lê Thị Th1, anh Lê Nguyên B và anh Lê Nguyên T. Anh Lê Nguyên T chết sau ông Lê Nguyên Nh nên mẹ, vợ và con anh T là bà Lê Thị Th, chị Hoàng Thị Y, cháu Lê Nguyên Kh và cháu Lê Nguyên Đ là những người được thừa kế lại di sản anh T được hưởng từ ông Nh. Bà Lê Thị Th từ chối nhận di sản thừa kế của anh Lê Nguyên T và giao lại cho mẹ con chị Y, đây là sự tự nguyện của bà Th, phù hợp quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

[2.2]. Di chúc và hiệu lực của di chúc:

Ngày 11/9/2014, ông Lê Nguyên Nh và bà Lê Thị Th đã gọi các con gồm bà Lê Thị Th1, anh Lê Nguyên B và anh Lê Nguyên T để lập di chúc và phân chia tài sản của bố mẹ cho các con với nội dung: *"cha mẹ đang sở hữu trên mảnh đất 218 m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số AH 533813 ngày 13/12/2006 tại thôn 5, xã M, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Trên diện tích đất ở nói trên kèm theo 2 cái nhà cấp 4 trong đó 5 gian nhà trên và 3 gian nhà bếp bằng gạch ngói cùng một số đồ dùng sinh hoạt cần thiết hàng ngày với giá trị 600.000.000đ.....Theo nguyện vọng tha thiết của con Lê Nguyên B xin mua một mảnh đất kèm theo nhà cửa trục đường huyện lộ trong khu vực thôn 4 để sinh sống, làm ăn lâu dài và có sự độc lập riêng – Bố mẹ đồng ý cho gia đình anh B 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng chẵn) trên cơ sở trao đổi và em Lê Nguyên T chấp nhận chuyển số tiền cho bố mẹ để cho gia đình con Lê Nguyên B. Do đó toàn bộ diện tích đất ở kèm theo tài sản cố định của bố mẹ sau này con Lê Nguyên T là chủ sở hữu và sử*

dụng hoàn toàn, không có sự tranh chấp và yêu cầu khác". Thời điểm lập di chúc, ông Nh và bà Th hoàn toàn tỉnh táo, di chúc được lập bằng văn bản, toàn bộ nội dung di chúc thể hiện ý chí nguyện vọng của ông Nh và bà Th, di chúc được lập không bị ai ép buộc. Quá trình giải quyết vụ án, bà Th, anh B, bà Th1 và chị Y đều xác nhận di chúc thể hiện ý chí nguyện vọng của ông Nh và bà Th, do ông Nh là người viết. Chữ ký trên di chúc là của ông Nh, bà Th và tất cả các con của ông bà. Đây là di chúc chung của vợ chồng ông Nh, bà Th, đảm bảo quy định tại Điều 652 và Điều 663 Bộ luật dân sự năm 2005 nên là di chúc hợp pháp. Bà Th có quyền sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ di chúc liên quan đến phần tài sản của bà là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 664 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 640 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, di chúc ngày 11/9/2014 có hiệu lực một phần đối với phần di sản của ông Nh và không có hiệu lực đối với phần tài sản của bà Th. Theo di chúc, ông Nh định đoạt toàn bộ di sản cho anh Lê Nguyên T thừa kế nhưng bà Lê Thị Th là người thừa kế không phụ thuộc vào di chúc nên bà vẫn được hưởng một phần di sản theo quy định tại Điều 644 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.3]. Về việc phân chia di sản:

Di sản thừa kế của ông Lê Nguyên Nh để lại nằm trong khối tài sản chung vợ chồng giữa ông và bà Lê Thị Th, là quyền sử dụng thửa đất số 206, tờ bản đồ số 05, Bản địa chính năm 1996 xã M cũ, đã được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 533813 ngày 13/12/2006 cho ông Lê Nguyên Nh và bà Lê Thị Th, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp là 218,0m^2, loại đất: Đất ở tại nông thôn; diện tích thực tế theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ là 215,6m^2. Tương ứng Bản đồ địa chính 299TTg xã M cũ là thửa đất số 235, tờ bản đồ số 02. Thời điểm lập di chúc, ông bà xác định giá trị tài sản là 600.000.000đ và được các con đồng ý. Tại thời điểm giải quyết vụ án, các tài sản gồm nhà và các tài sản chung khác của ông Nh, bà Th không còn. Hội đồng định giá xác định giá trị tài sản chung của ông Nh và bà Th hiện còn lại là quyền sử dụng thửa đất số 206, tờ bản đồ số 05, Bản đồ địa chính xã M cũ lập năm 1996, có giá trị là 177.870.000đ và được các đương sự thống nhất xác nhận đây là giá trị thực tế của tài sản chung còn lại của ông Nh, bà Th. Các tài sản trên đất hiện tại được định giá là 1.503.302.300 đồng, đây đều là tài sản riêng của vợ chồng anh T, được xây dựng năm 2018. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận định giá trị thực tế của di sản ông Nh để lại = giá trị tài sản của bà Th trong khối tài sản chung vợ chồng với ông Nh, bằng ½ x 177.870.000đ = 88.935.000đ.

Theo di chúc ngày 11/9/2014, ông Nh để lại toàn bộ di sản của ông cho anh Lê Nguyên T với điều kiện anh T chuyển cho vợ chồng ông 300.000.000đ để ông cho gia đình anh B mua nhà. Mặc dù anh B khẳng định anh không được nhận tiền từ anh T, nhưng anh B công nhận anh T đã giao tiền cho ông Nh và số tiền này đã được giao lại cho chị Lê Thị L (vợ anh) để đi mua nhà cho vợ chồng anh, việc này được người bán nhà là chị Trịnh Thị H xác nhận và hoàn toàn phù hợp với lời khai của các đương sự khác. Do điều kiện về việc anh T được hưởng di sản thừa kế của ông Nh đã được thực hiện nên yêu cầu của anh B về việc yêu cầu chia di sản của ông Lê Nguyên Nh cho anh 25,0m^2 đất ở không được chấp nhận.

Bà Lê Thị Th là người thừa kế không phụ thuộc vào di chúc của ông Nh nên phần bà Th được thừa kế từ ông Nh = tối thiểu 2/3 suất của một người thừa kế tương ứng giá trị là 88.935.000đ : 4 x 2/3 = 14.822.500 đồng.

Người trực tiếp sử dụng, quản lý di sản của ông Nh để lại là bà Lê Thị Th, tuy nhiên bà Th không yêu cầu Tòa án trích công sức giữ gìn di sản của bà nên Tòa án không xem xét.

Di chúc ông Nh lập là hợp pháp nên phần di sản còn lại của ông Nh sau khi trừ đi phần đã chia cho bà Th được chia cho anh Lê Nguyên T, do anh Lê Nguyên T đã chết, bà Th từ chối nhận thừa kế từ anh T, anh T không để lại di chúc nên phần di sản thừa kế của anh T để lại được chia đều cho các đồng thừa kế của anh gồm: chị Y, cháu Kh và cháu Đ, mỗi người được hưởng một kỷ phần tương ứng giá trị: (88.935.000đ – 14.822.500đ): 3 = 24.704.166đ.

Theo di chúc ngày 11/9/2014 anh T đã thực hiện chuyển cho ông Nh 300.000.000đ để cho anh B mua nhà, chị Y thống nhất, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tổng tài sản bà Th trong khối tài sản chung vợ chồng với ông Nh và phần di sản bà Th được thừa kế từ ông Nh trị giá: 88.935.000đ + 14.822.500đ = 103.757.500đ. Bà Th tự nguyện tặng cho toàn bộ tài sản này bằng quyền sử dụng đất cho chị Y, cháu Kh và cháu Đ là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; chị Y đại diện cho cháu Kh và cháu Đ đồng ý nhận phần tài sản được bà Th tặng cho nên cần chấp nhận.

Đối với tài sản chung của vợ chồng chị Y là ngôi nhà trên đất, có một phần là di sản của anh T để lại, bà Th từ chối nhận di sản thừa kế và giao lại hết cho mẹ con chị Y, chị Y không yêu cầu Tòa án chia phần di sản này của anh T để lại nên Hội đồng xét xử không xem xét và giao lại cho mẹ con chị Y sở hữu chung. Nếu mẹ con chị Y có tranh chấp về phần di sản này thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

Vì vậy, chị Y, cháu Kh, cháu Đ được quyền sở hữu chung quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 206, tờ bản đồ số 05, Bản địa chính năm 1996 xã M cũ. Mỗi người được hưởng phần di sản và tài sản bà Th tặng cho tương ứng giá trị: 177.870.000đ : 3 = 59.290.000đ.

[2.4]. Về chi phí thẩm định, định giá: Toàn bộ chi phí định giá, thẩm đinh, bà Th tự nguyện chịu và đã nộp đủ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5]. Về án phí: Bà Lê Thị Th là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm tương ứng phần di sản bà được hưởng từ kế từ ông Lê Nguyên Nh và phần tài sản bà được chia trong khối tài sản chung vợ chồng với ông Nh.

Các cháu Lê Nguyên Kh, Lê Nguyên Đ chưa đủ 16 tuổi, thuộc đối tượng được miễn án phí, người đại diện theo pháp luật của các cháu có đơn đề nghị miễn án phí nên các cháu được miễn phần án phí tương ứng với phần di sản được hưởng thừa kế. Chị Hoàng Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần di sản được hưởng thừa kế.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39, các 144, 147, 157, 165, 184, 271, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 167, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 66 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 652, Điều 663 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 207, 210, 213, 219, 609, 611, 612, 613, 614, 616, 618, 620, 623, 624, 625, 626, 627, 628, 630, 631, 640, 643, 644, 659 và 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th.

Công nhận di chúc ông Lê Nguyên Nh và bà Lê Thị Th lập ngày 11/9/2014 có hiệu lực một phần đối với định đoạt của ông Lê Nguyên Nh, di sản của ông Nh là ½ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 206, tờ bản đồ số 05, Bản đồ địa chính xã M cũ lập năm 1996, trị giá 177.870.000đ x ½ = 88.935.000đ *(Tám tám triệu chín trăm ba lăm nghìn đồng)*.

Xác định phần tài sản của bà Lê Thị Th trong khối tài sản chung vợ chồng với ông Lê Nguyên Nh là ½ quyền sử dụng thửa đất số 206, tờ bản đồ số 05, Bản đồ địa chính xã M cũ lập năm 1996, trị giá 177.870.000đ x ½ = 88.935.000đ *(Tám tám triệu chín trăm ba lăm nghìn đồng)*.

Bà Lê Thị Th được hưởng phần di sản thừa kế từ ông Lê Nguyên Nh để lại trị giá 14. 822.500đ *(Mười bốn triệu tám trăm hai hai nghìn năm trăm đồng)*;

Chị Hoàng Thị Y, cháu Lê Nguyên Kh và cháu Lê Nguyên Đ, mỗi người được hưởng phần di sản thừa kế từ ông Lê Nguyên Nh để lại trị giá là 24.704.166đ *(Hai tư triệu bảy trăm linh bốn nghìn một trăm sáu sáu đồng)*.

Công nhận sự tự định đoạt của bà Lê Thị Th về việc tặng cho toàn bộ tài sản của bà và phần bà được thừa kế từ di sản của ông Lê Nguyên Nh trị giá 103.757.500đ *(Một trăm linh ba triệu bảy trăm năm bảy nghìn năm trăm đồng)* cho chị Lê Thị Yên, cháu Lê Nguyên Kh và cháu Lê Nguyên Đ.

Chị Hoàng Thị Y, cháu Lê Nguyên Kh và cháu Lê Nguyên Đ được hưởng toàn bộ di sản của ông Lê Nguyên Nh để lại và phần tài sản của bà Lê Thị Th tặng cho, trị giá 177.870.000đ *(Một trăm bảy bảy triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng)*, mỗi người được hưởng là 59.290.000đ *(Năm chín triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng)*. Chị Y, cháu Kh, cháu Đ được quyền sở hữu chung quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 206, tờ bản đồ số 05, Bản địa chính xã M cũ lập năm 1996 , tại thôn Cự Đà, xã Đ (thôn 4, xã M cũ), huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, diện tích thửa đất là 215,6m^2.

(Có sơ đồ kèm theo là một phần không thể thiếu của bản án này)

Chị Y cháu Kh, cháu Đ có quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lê Thị Th, cháu Lê Nguyên Kh và cháu Lê Nguyên Đ. Chị Hoàng Thị Y phải nộp 1.235.200đ *(Một trệu hai trăm ba lăm nghìn hai trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

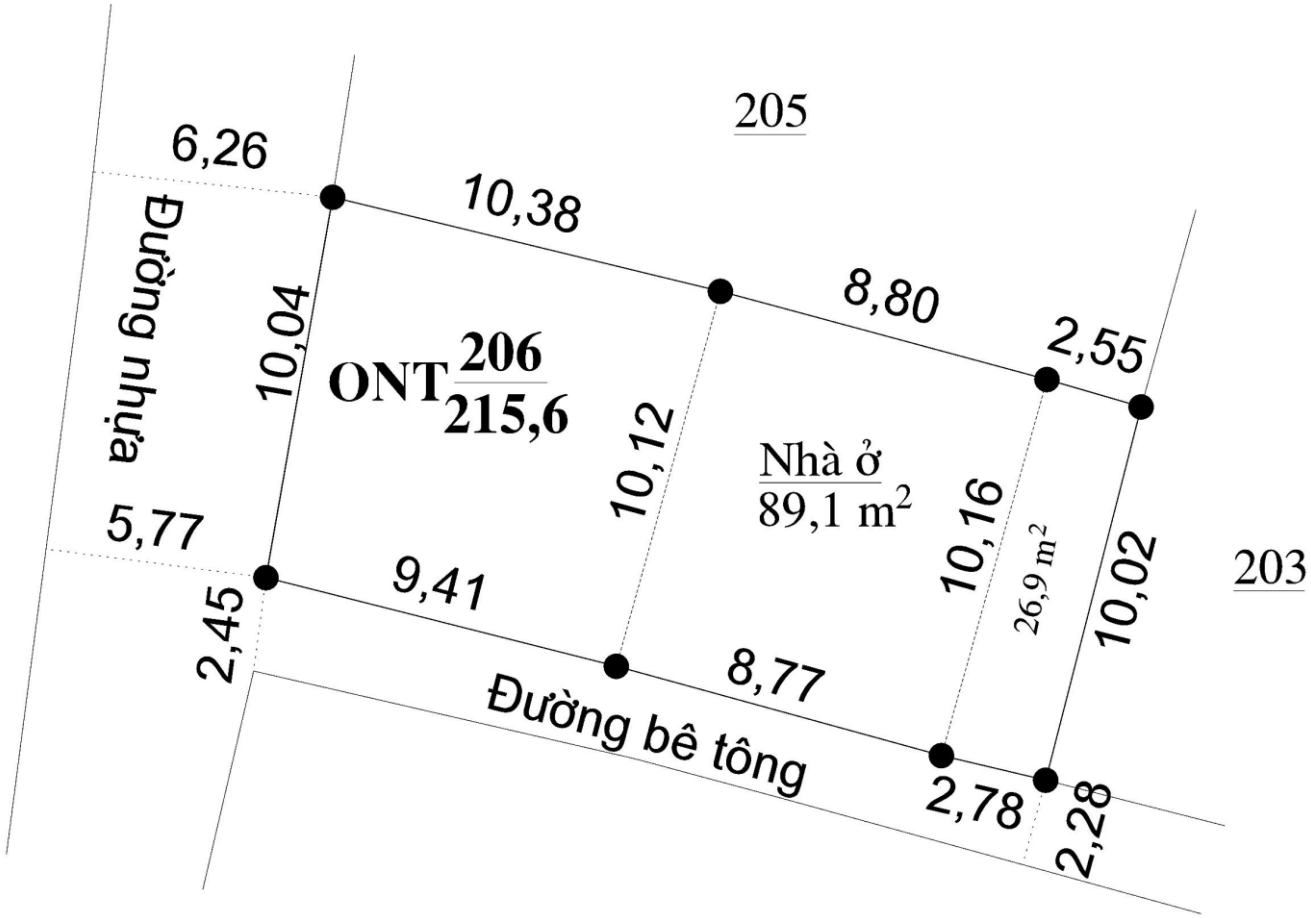
Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hoằng Hóa;
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Vân

SƠ ĐỒ HIỆN TRẠNG

(Kèm theo bản án dân sự sơ thẩm số 88/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa)


205
6,26
10,38
8,80
2,55
Đường nhựa
10,04
ONT 206
215,6
10,12
Nhà ở
89,1 m²
10,16
26,9 m²
10,02
203
5,77
9,41
2,45
8,77
Đường bê tông
2,78
2,28